

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ – ST
Ngày 05 tháng 7 năm 2023
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Khảm

Bà Nguyễn Thị Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1965 “có mặt”.

Bị đơn: Bà Phùng Thị B, sinh năm 1964 “có mặt”.

Đều có địa chỉ: Thôn G 2, xã T, huyện Y, tỉnh P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông và bà Phùng Thị B đăng ký kết hôn với nhau ngày 31 tháng 3 năm 1993, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên L, tỉnh P. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông và bà B chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cách cư xử của bà B cũng như cách tính toán làm ăn dẫn đến bất đồng quan điểm, thỉnh thoảng có cãi chửi nhau. Những lần mâu thuẫn chưa bao giờ báo cáo chính quyền địa phương. Ông và bà B mâu

thuần trầm trọng đã sống ly thân với nhau từ ngày 04 tháng 01 năm 2023 (ngày âm lịch) và từ ngày 04 tháng 01 năm 2023 (ngày âm lịch) ông đã dọn ra khỏi nhà không ở chung cùng nhà với bà B nữa và hai người không còn hỏi han quan tâm gì đến nhau trong cuộc sống nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà B không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

Bị đơn bà Phùng Thị B trình bày và xác nhận: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như ông T trình bày là đúng bà không bổ sung gì thêm. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông T trình bày không đúng vì bà và ông T chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2022 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cách cư xử, bà bị ung thư thỉnh thoảng phải đi điều trị tại bệnh viện, đã bị cắt $\frac{3}{4}$ của dạ dày nên sức khỏe yếu, do ốm đau bệnh tật không lao động được và không thể chăm lo cho cuộc sống của gia đình như trước được, mọi chi tiêu trong gia đình đều phải nhờ vào ông T và các con dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên ông T hắt hủi bỏ mặc bà, không còn quan tâm hỏi han, chăm sóc bà dẫn đến thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau. Bà có nghi ngờ ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác về nhà hắt hủi vợ con nhưng không xác định được ông T có quan hệ với ai, ở đâu và cũng không có căn cứ gì để chứng minh ông T ngoại tình. Từ tháng 3 năm 2023 ông T không chung sống cùng nhà với bà nữa, ông ở đâu làm gì bà không biết. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà ốm đau bệnh tật cần có một chỗ dựa, nên đề nghị Tòa án giải quyết để bà và ông T được đoàn tụ và bà có mong muốn các con có bố, có mẹ, các cháu có ông, bà.

Về con chung: Ông T và bà B đều khai vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Phi L, sinh ngày 07/7/1994 và Hoàng Hữu A, sinh ngày 10/4/1996 hiện hai cháu đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm và tự lo cho bản thân nên ông, bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về con riêng ông T và bà B đều khai: Ông T có 01 con riêng là Hoàng Thị T, sinh ngày 20/02/1989, hiện đã đi lấy chồng và ở riêng; ông, bà không yêu cầu giải quyết về con riêng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Ông T và bà B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình thu thập chứng cứ và

việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T về việc xin ly hôn với bà Phùng Thị B.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Phùng Thị B; do đó đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn bà Phùng Thị B hiện có địa chỉ tại xã T, huyện Y, tỉnh P, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y.

[2] Về quan hệ Hôn nhân:

Ông Hoàng Văn T kết hôn với bà Phùng Thị B có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn, bị đơn giao nộp, qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của các đương sự thì ông T và bà B Kết hôn với nhau từ năm 1993. Hai người đã chung sống với nhau cho đến tháng 3 năm 2023 thì ông T không sống chung cùng một nhà với bà B nữa, hai người đã sống ly thân với nhau. Tuy nhiên hai người đã có thời gian chung sống với nhau là 30 năm. Hiện tại bà B đang mắc bệnh ung thư và đã bị cắt mất $\frac{3}{4}$ dạ dày nên sức khỏe yếu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Đúng ra khi bà B ốm đau, bệnh tật cần có người quan tâm chăm sóc thì ông T lại không thực hiện nghĩa vụ của người chồng đã bỏ mặc bà B dọn ra ngoài sống sau đó làm đơn xin ly hôn với bà B, điều đó không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông T.

[3] Về con chung, con riêng, tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Hoàng Văn T thuộc diện hộ cận nghèo, tại phiên tòa ông có đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn ông Hoàng Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Về án phí: Ông Hoàng Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại ông T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001617 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Tề Lỗ, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên